TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2021/HS-ST Ngày 19-01-2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Tạ Đình T, sinh ngày 18/9/1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề N2: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Đình N2, sinh năm 1972 và bà Đỗ Thị L2, sinh năm 1973; chưa có vợ con; tiền án: Tại bản án số 11/2016/HSST ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng (chưa được xóa án tích); bản án số 09/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/10/2020; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đươn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị L2, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị V; vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 27/9/2020 Tạ Đình T điều khiển xe mô tô (không xác định được biển kiểm soát) đi đến nhà ông Lê Văn B ở Thôn 1, xã T, huyện K thấy đang tổ chức đám cưới nên T nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong các phong bì mừng cưới để lấy tiền chi tiêu. T dựng xe ở ngoài đường, rồi đi vào phòng tân hôn và chốt cửa bên trong, phát hiện thấy ở góc tường có 01 hòm đựng phong bì tiền mừng cưới nên T dùng tay phá cửa hòm, lấy khoảng 10 chiếc phong bì cất vào túi quần. Lúc này chị Lê Thị V là con gái ông B đứng ngoài mở cửa phòng nhưng không được, nên T mở khóa cửa đi ra, gặp chị V nhưng không nói gì. T điều khiển xe mô tô đến khu vực bờ đê thuộc phường T, quận D bóc phong bì đếm được 7.000.000 đồng, vỏ phong bì T vứt xuống bờ đê. T đưa cho mẹ là bà Đỗ Thị L2 3.100.000 đồng rồi đi chơi. Do nghi ngờ T trộm cắp tiền mừng cưới nên chị V báo lại cho gia đình, qua kiểm tra camera an ninh, gia đình ông B phát hiện T là người đã trộm cắp nên đã đến nhà gặp bố mẹ T. Bà L2 gọi điện hỏi thì T thừa nhận đã trộm cắp 7.000.000 đồng, sau khi đi chơi chi tiêu cá nhân về còn lại 1.000.000 đồng T đưa cho bà L2 và nhờ bà L2 đến nhà ông B để khắc phục hậu quả. Ngày 27/9/2020 ông B có đơn trình báo công an xã T, huyện K.

Tổng số tiền gia đình ông B bị T trộm cắp là 7.000.000 đồng đã được T cùng gia đình bồi thường đầy đủ cho gia đình ông B.

Vật chứng là các vỏ phong bì T vứt ở bờ đê không thu hồi được.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-KT ngày 30/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Tạ Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội: Ngày 27/9/2020 bị cáo mượn xe mô tô của anh Đỗ Văn T1 để đi chơi. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến nhà ông Lê Văn B ở Thôn 1, xã T, huyện K thấy đang tổ chức đám cưới nên T nảy

sinh ý định trộm cắp tiền trong các phong bì mừng cưới. T dựng xe ở ngoài đường, rồi đi vào các phòng tìm tài sản để trộm cắp. Khi vào phòng tân hôn, T chốt khóa cửa bên trong và quan sát thấy 01 hòm đựng phong bì mừng cưới, T dùng tay phá cửa hòm lấy khoảng 10 chiếc phong bì cất vào túi quần. Lúc này thấy có người ở bên ngoài mở cửa phòng nhưng không được nên T mở khóa cửa đi ra thì gặp chị V nhưng T không nói gì, không có hành động gì. T ra điều khiển xe mô tô đến khu vực bờ đê thuộc phường T, quận D bóc phong bì đếm được 7.000.000 đồng, vỏ phong bì vứt xuống bờ đê. T đưa cho mẹ là bà Đỗ Thị L2 3.100.000 đồng, rồi đi chơi. Khi bà L2 gọi điện hỏi thì T thừa nhận đã trộm cắp 7.000.000 đồng của gia đình ông B. Nay T cùng gia đình đã bồi thường đầy đủ số tiền 7.000.000 đồng cho gia đình ông B. Ngoài ra, gia đình T còn tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình ông B số tiền 20.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, ông Lê Văn B khai: Ngày 27/9/2020 gia đình ông tổ chức đám cưới cho con trai. Toàn bộ phong bì tiền mừng cưới là tài sản chung của vợ chồng ông. Vợ ông đã ủy quyền cho ông để tham gia tố tụng tại các cơ quan tiến hành tố tụng. Sau khi bị mất phong bì tiền mừng cưới, ngày 27/9/2020 ông đã có đơn trình báo công an xã T. Nay T đã cùng gia đình bồi thường đầy đủ số tiền trộm cắp là 7.000.000 đồng, ngoài ra gia đình T còn tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình ông 20.000.000 đồng nên ông không có yêu cầu đề nghị gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bà Đỗ Thị L2 đại diện khai: Bà là mẹ đẻ bị cáo T; ngày 27/9/2020 T đưa cho bà số tiền 3.100.000 đồng, không nói nguồn gốc số tiền do đâu mà có. Khi gia đình ông B đến gặp nói chuyện thì vợ chồng bà mới biết T đã trộm cắp tài sản của gia đình ông B. Nay T cùng gia đình đã bồi thường đầy đủ số tiền trộm cắp là 7.000.000 đồng cho gia đình ông B, ngoài ra gia đình bà còn tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình ông B 20.000.000 đồng. Gia đình bà không yêu cầu T phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên.

Tại cơ quan điều tra, chị Lê Thị V khai: Chị là con đẻ ông B. Ngày 27/9/2020 gia đình chị tổ chức đám cưới cho em trai. Khi chị vào mở cửa phòng tân hôn thì cửa bị khóa bên trong, ngay sau đó có 01 nam thanh niên lạ mặt đi ra, không nói gì; chị đi vào phòng kiểm tra hòm đựng phong bì mừng đám cưới thì thấy bị cậy phá mất một số phong bì nên đã báo gia đình. Sau khi kiểm tra camera đã xác định T là người chị gặp đi ra từ trong phòng cưới của gia đình và là người trực tiếp trộm cắp tiền trong hòm đựng phong bì mừng cưới của gia đình chị.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm

truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Tạ Đình T mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập kinh tế không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 7.000.000 đồng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho bị hại, ngoài ra gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thêm số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại. Nay gia đình ông B không yêu cầu đề nghị gì thêm, vợ chồng bà L2 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bồi thường cho gia đình bị hại, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo xin giảm nhẹ hình hạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 27/9/2020, Tạ Đình T đã có hành vi lén lút vào phòng tân hôn của gia đình ông Lê Văn B ở Thôn 1, xã T, huyện K trộm cắp khoảng 10 chiếc phong bì mừng cưới, bên trong có tổng số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo đã có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" nên thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Như vậy, hành vi của bị cáo Tạ Đình T đã thỏa mãn cấu

thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tác động cùng gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có thời gian tham gia trong quân đội; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tác động cùng gia đình bồi thường đầy đủ số tiền 7.000.000 đồng cho bị hại và tự nguyện bồi thường thêm 20.000.000 đồng cho bị hại. Nay bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm, gia đình bị cáo không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bồi thường cho gia đình bị hại, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập kinh tế ổn định, tại phiên tòa Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này, bà Đỗ Thị L2 cầm 3.100.000 đồng do T đưa, nhưng bà L2 không biết là tiền do T phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp. Đối với chiếc xe mô tô T mượn của anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1982, trú tại thôn K1, xã T, huyện K, hiện nay anh T1 đã điều khiển xe đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra tách ra để làm rõ sau là có căn cứ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Tạ Đình T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 23/10/2020.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K + PV 06;
- Trại giam HP;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền